

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 12 năm 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Màu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Quỳnh và bà Đỗ Thị Hồng Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn La, Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 207/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị B, sinh năm 1987; nơi thường trú: Thôn TP, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trương Xuân C, sinh năm 1991; nơi thường trú: Thôn TP, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện đang giáo dục tại Cơ sở giáo dục bắt buộc TH, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt - đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/12/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Lưu Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Xuân C kết hôn với nhau ngày 21/11/2012 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh C chung sống cùng gia đình anh C tại xã Đ, huyện T. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, thương yêu nhau. Đến khoảng tháng 4/2016, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nguyên nhân do anh C thường xuyên sử dụng ma túy và bị nghiện ma túy nên vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến tháng 6/2016, chị bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ chị tại thôn Ninh Lai, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Khoảng tháng 01/2017, chị đón 02

con chung về chung sống cùng chị đến cuối năm 2022, anh C phải vào Cơ sở giáo dục bắt buộc Thanh Hà cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Trương Thị Kiều L, sinh ngày 28/6/2013 và cháu Trương Nhật D, sinh ngày 17/4/2015. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị. Chị cùng 02 con đang sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ chị, anh C đang phải giáo dục tại Cơ sở giáo dục bắt buộc TH và hiện nay chị đang làm công nhân Công ty TNHH P, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ – 8.500.000đ/01 tháng nên ly hôn chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 12/12/2023, Bị đơn là anh Trương Xuân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lưu Thị B kết hôn với nhau ngày 21/11/2012 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị B về nhà anh chung sống tại xã Đ, huyện T. Tình cảm ban đầu hoà thuận, thương yêu nhau. Do hoàn cảnh gia đình chị B về nhà ngoại sinh sống từ năm 2016 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn được như trước. Tháng 11/2022, anh phải vào giáo dục tại Cơ sở giáo dục bắt buộc Thanh Hà cho đến nay. Nay chị B xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn vì anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Trương Thị Kiều L và cháu Trương Nhật D. Do anh đang phải giáo dục tại Cơ sở giáo dục bắt buộc TH nên đồng ý để chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về tài chung, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cho chị Lưu Thị B ly hôn anh Trương Xuân C. Giao cháu Trương Thị Kiều L, sinh ngày 28/6/2013 và cháu Trương Nhật D, sinh ngày 17/4/2015 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lưu Thị B khởi kiện xin ly hôn anh Trương Xuân C và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Anh C đăng ký thường trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh C hiện đang giáo dục tại Cơ sở giáo dục bắt buộc Thanh Hà và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Thị B và anh Trương Xuân C kết hôn với nhau ngày 21/11/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C thường xuyên sử dụng ma túy nên dẫn tới vợ chồng xảy ra va chạm nên khoảng tháng 6/2016, chị B bỏ về sống cùng bố mẹ để từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị B, anh C cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị B xin ly hôn, anh C đồng ý ly hôn. Thể hiện, mâu thuẫn giữa chị B và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị B và cho chị B được ly hôn anh C là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị B, anh C có 02 con chung là cháu Trương Thị Kiều L, sinh ngày 28/6/2013 và cháu Trương Nhật D, sinh ngày 17/4/2015. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị B. Ly hôn, chị B, anh C cùng đề nghị để chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét thấy hiện nay các cháu đang còn nhỏ và đang sinh hoạt, học tập cùng chị B. Chị B cũng có nơi ở, công việc, thu nhập ổn định và các cháu đều có nguyện vọng ở với chị B. Ngoài ra, anh C hiện đang bị giáo dục bắt buộc tại Cơ sở giáo dục bắt buộc Thanh Hà nên không có đủ điều kiện chăm sóc con chung nên để tránh xáo trộn trong cuộc sống của các cháu nên cần chấp nhận đề nghị của chị B, anh C giao 02 con chung cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị B không đề nghị anh C phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[4] *Về tài sản, công nợ, công sức*: Chị B, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị B chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lưu Thị B ly hôn anh Trương Xuân C.

[2] *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Lưu Thị B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Trương Thị Kiều L, sinh ngày 28/6/2013 và cháu Trương Nhật D, sinh ngày 17/4/2015. Anh Trương Xuân C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] *Về án phí*: Chị Lưu Thị B chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0001534 ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị Lưu Thị B đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Mâu Văn Mùi